

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 194/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14 – 4 – 2025
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Rỡ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Tác và bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Trương Minh Thiện – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 700/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1979. Nơi cư trú: tổ C, ấp N, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Thái B, sinh năm 1980. Nơi cư trú: tổ G, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện ngày 11/12/2024 và lời khai của nguyên đơn bà Huỳnh Thị C trình bày:

Bà và ông Phạm Thái B tự tìm hiểu về tình cảm rồi chung sống như vợ chồng từ năm 2000, không tổ chức lễ cưới. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện P, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/8/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại xã H, huyện P, tỉnh An Giang đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong quá trình sống chung ông B hay uống rượu say sin về rồi đánh đập bà, nhưng vì con nên bà C nhẫn nhịn. Mâu thuẫn kéo dài đến ngày 14/01/2017, ông B sau khi đi làm đã uống rượu say, rồi tiếp tục kéo bạn bè đến nhà tụ tập uống rượu, bà C khuyên ngăn vì trời đã khuya sợ làm phiền hàng xóm nhưng ông B không nghe còn tức giận dùng ly thủy

trình đập vào đầu bà C rách da chảy máu phải đến trạm xá may lại. Sau ngày hôm đó, bà C có kể cho mẹ chồng nghe việc ông B đánh bà thì mẹ chồng có khuyên nếu không tiếp tục chung sống được thì nên ly hôn để bảo vệ bản thân và còn tiếp tục chăm lo cho các con. Vì thế, bà C quyết định ly thân với ông B từ đầu năm 2017 đến nay. Sau khi ly thân bà C về nhà mẹ ruột tại huyện G, tỉnh Kiên Giang sinh sống đến nay. Bà C cầu ly hôn với ông Phạm Thái B.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Hữu N, sinh ngày 29/10/2001 và Phạm Trọng P, sinh ngày 29/3/2006. Hiện các con đều trưởng thành và có việc làm nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Phạm Thái B đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng ông không tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của nguyên đơn.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị C đối với ông Phạm Thái B1.

Về con chung đã thành niên; tài sản chung và nợ chung không có; đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí bà C phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật. Bị đơn đã được tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà C và ông B1 tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký

kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 122 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh An Giang cấp ngày 14/8/2006 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Quá trình chung sống ông B1 đã có hành vi bạo lực gia đình và ông bà đã ly thân kéo dài từ năm 2017 đến nay. Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập nhưng ông B1 không đến tham gia hoà giải, cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu của bà C. Xét thấy, bà C và ông B1 vi phạm nghĩa vụ vợ chồng phải yêu thương, quan tâm và chung sống với nhau được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông B1 có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị bà C yêu cầu ly hôn là có căn cứ.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà C và ông B1 có 02 con chung tên Phạm Hữu N, sinh ngày 29/10/2001 và Phạm Trọng P, sinh ngày 29/3/2006 đều trưởng thành và có việc làm nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà C trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: bà C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông B1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 322 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị C.

1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị C được ly hôn ông Phạm Thái B.

2. Về con chung: Bà C và ông B có 02 con chung tên Phạm Hữu N, sinh ngày 29/10/2001 và Phạm Trọng P, sinh ngày 29/3/2006 đều trưởng thành và có việc làm nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011709 ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Ông B không phải chịu án phí.

Bà C và ông B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân
- UBND xã Hoà Lạc, huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Rỡ